TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 16/01/2025
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M – sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: K, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H – sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm C, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Đặng Thị M trình bày: Chị Đặng Thị M và anh Trần Văn H sau khoảng một năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về nhà anh H tại xóm C, xã Q làm ăn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng chín năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H nghiện ma túy, chơi bời cờ bạc không tu chí làm ăn và thường xuyên xúc phạm đánh đập chị bản thân chị vì con cái đã cố gắng nín nhịn nhưng anh H không thay đổi. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở thị trấn B để ở từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay, đồng thời vợ chồng sống ly thân nhau không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn và anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị M và anh H có hai con chung cháu Trần Văn T sinh ngày 21 tháng 09 năm 2010, cháu Trần Thu H1, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2012. Hiện cháu H1 đang ở cùng với chị M, cháu T đang ở cùng với anh H. Nay ly hôn chị nhận nuôi cả hai cháu T và H1. Chị M yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị M và anh H không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn H hiện đang cư trú tại xóm C, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H nhưng anh H không ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Bản thân anh H cũng đã biết việc chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như đối với việc giải quyết vụ án.

Con chung của anh chị là cháu Trần Văn T sinh ngày 21 tháng 09 năm 2010, cháu Trần Thu H1, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2012 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con, tại bản tự khai ngày 16 tháng 10 năm 2024 và ngày 15 tháng 11 năm 2024 các cháu trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Minh ly H2 anh Trần Văn H.
- Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi cháu Trần Thu H1, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2012, giao cho anh Trần Văn H tiếp tục chăm socs nuôi dưỡng cháu Trần Văn T sinh ngày 21 tháng 09 năm 2010, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống

Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung theo quy định của pháp luật và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Đặng Thị M nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị M có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn H có nơi cư trú tại: Xóm C, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Đặng Thị M và bị đơn là anh Trần Văn H, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị M và anh Trần Văn H có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống cùng gia đình anh H tại xóm C, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị M cho rằng bản thân anh H nghiện ngập ma túy ham chơi, không tu trí làm ăn, rượu chè và còn đánh đập, chửi bới xúc phạm chị vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị M và anh H đã sống ly thân nhau hơn một năm nay mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H biết việc chị M xin ly hôn nhưng anh H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh H có thái độ bỏ mặc và không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện: Anh H và chị M có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng gia đình anh H ở xóm C, xã Q. Qua nắm bắt tại chính quyền sơ sở được biết anh H và chị M chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vấn đề làm ăn kinh tế. Hiện chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn B làm ăn sinh sống, không ở cùng với anh H nữa. Con chung của vợ chồng chị M và anh H có hai con chung cháu Trần Văn T sinh ngày 21 tháng 09 năm 2010, cháu Trần Thu H1, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2012. Về mức thu nhập của chị M và anh H do cả hai anh chị làm tự do nên chính quyền cơ sở không nắm được cụ thể mức thu nhập của hai anh chị. Nay chị M xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian

sống ly thân nhau hơn một năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có hai con chung cháu Trần Văn T sinh ngày 21 tháng 09 năm 2010, cháu Trần Thu H1, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2012. Hiện cháu H1 đang ở cùng với chị M, cháu T đang ở cùng với anh H. Nay ly hôn chị M có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung theo quy định của pháp luật. Về phía anh H không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Qua tham khảo nguyện vọng của hai cháu T và H1 có nguyện vọng ở với chị M. Tuy nhiên nay để không làm thay đổi môi trường sống, sinh hoạt và học tập của các cháu cũng như không làm ảnh hưởng sự phát triển bình thường của các con mà vẫn đảm bảo quyền lợi của các con chung sau khi ly hôn nên giao cháu H1 cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung thành niên và tự lập được cuộc sống.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do mỗi người nuôi một con chung nên không buộc các bên phải cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đặng Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm,

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đặng Thị M và anh Trần Văn H (Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn T sinh ngày 21 tháng 09 năm 2010 cho anh Trần Văn H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thu H1, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2012 cho chị Đặng Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc

sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có queyèn đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001884 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Q, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.